

VIỆN CHĂN NUÔI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

Hướng dẫn chăn nuôi **GÀ KABIR**



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN
CHĂN NUÔI GÀ KABIR

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2006

LỜI GIỚI THIỆU

Tháng 10 năm 2000, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương - Viện Chăn nuôi nhập 4 dòng gà Kabir ông bà (K43, K400, K27, K2700) có năng suất thịt, trứng cao nổi tiếng thế giới của Israel. Từ đàn gốc ông bà nhập nội đã chuyển giao nuôi trong các trang trại và các hộ nông dân hàng trăm ngàn gà bố mẹ và hàng triệu gà thương phẩm đạt kết quả tốt.

Nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng di truyền của giống gà Kabir, giúp cho người chăn nuôi có được kiến thức khoa học, nắm vững quy trình kỹ thuật để tổ chức chăn nuôi đạt kết quả tốt trong điều kiện dịch cúm gia cầm, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương xin giới thiệu cuốn: **“Hướng dẫn chăn nuôi gà Kabir”**.

Đây là cuốn sách bổ ích được biên soạn căn cứ kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học chuyên về lĩnh vực gia cầm kết hợp với kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn sản xuất của nhiều hộ chăn nuôi ở các vùng sinh thái. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tin cậy giúp người chăn nuôi vận

dụng sáng tạo để nuôi giống gà Kabir tốt hơn nữa. Sách đã được các nhà chuyên môn góp ý nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết.

Chúng tôi rất trân trọng tiếp thu sự góp ý của độc giả để lần sau tái bản được hoàn chỉnh hơn.

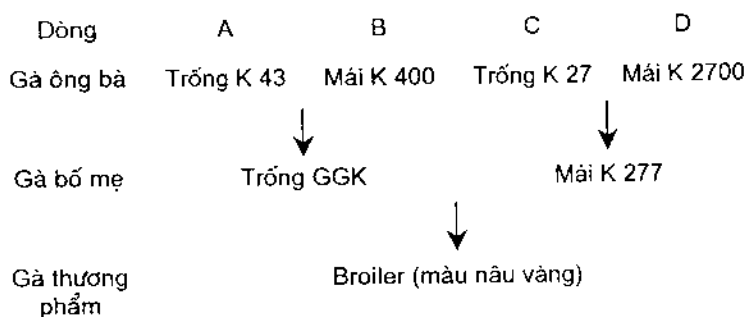
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẨM
THỤY PHƯƠNG

A. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ KABIR

Gà Kabir do hãng Kabir - Israel tạo ra. Qua 36 năm nghiên cứu, chọn lọc, nhân giống và lai tạo. Hãng Kabir đã tạo ra 31 dòng gà chuyên dụng thịt lông trắng và lông màu trong đó có 13 dòng đang khai thác rất nổi tiếng. Hiện nay, gà Kabir đang được 33 nước khắp năm châu ưa chuộng do có được các đặc tính quý như lông màu nâu hoặc vàng, năng suất trứng thịt cao, thịt chắc thơm ngon. Gà có sức chịu đựng cao, dễ nuôi đặc biệt trong điều kiện khí hậu nóng, ẩm độ cao.

Được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 10/2000 Viện Chăn nuôi đã nhập 4 dòng gà ông bà Kabir trong dự án “Phát triển giống gà chăn thả năng suất chất lượng cao”.

Sơ đồ công nghệ



Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

** Gà Kabir bố mẹ*

Tuổi đẻ 5%	27 - 28 tuần
Tuổi đạt tỷ lệ đẻ 50%	29 -30 tuần
Tuổi đạt tỷ lệ đẻ đỉnh cao	32 -33 tuần
Sản lượng trứng/mái/70 tuần đẻ	190 - 200 quả
Khối lượng trứng	55 g
Tiêu tốn thức ăn/10 trứng (cả đời gà)	3,43 kg
Tiêu tổng thức ăn/10 trứng (giai đoạn đẻ)	2,67 kg
Tỷ lệ phôi	94 -95%
Tỷ lệ nở/tổng trứng ấp	83 -85%
Số gà con/mái	150 -155 con
Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con, hậu bị	92 - 94%
Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn đẻ	86 - 88%
Khối lượng cơ thể gà mái 26 tuần tuổi	2,35 - 2,40 kg
Khối lượng cơ thể gà mái 70 tuần tuổi	3,15 - 3,25 kg

** Gà Kabir nuôi thịt*

Khối lượng cơ thể	2,3 - 2,4 kg
Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng	2,25 - 2,35 kg
Tỷ lệ nuôi sống	95 - 96 %

** Gà lai (Kabir × Lương Phượng): 10 tuần tuổi*

Khối lượng cơ thể	1,9 - 2,0 kg
Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng	2,55 - 2,60 kg
Tỷ lệ nuôi sống	96 - 97 %

B. KỸ THUẬT NUÔI GÀ KABIR BỐ MẸ

I. THỰC HIỆN BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC

1. Điều kiện chung

1.1. Chuồng trại

Xây dựng chuồng trại đảm bảo thông thoáng về mùa hè, ấm áp về mùa đông đối với chuồng nuôi hở hoặc tốt nhất là xây dựng chuồng nuôi khép kín nuôi sàn hoặc nuôi nền vì hạn chế được sự tiếp xúc giữa con người và gia cầm cũng như giữa gia cầm và các loài khác, nhưng với kiểu chuồng này thì cần có sự đầu tư ban đầu lớn và thích hợp với phương thức nuôi trang trại hoặc tập trung. Nền chuồng nên láng phẳng bằng xi măng, mỗi chuồng cần có diện rộng từ 1-1,5m để tránh mưa gió hắt vào. Chuồng nuôi và

sân chơi đảm bảo khô ráo và đặc biệt phải có ánh nắng chiếu vào.

1.2. Khu vực chăn nuôi

Xây dựng hệ thống đường đi và thoát nước theo hệ thống chuồng nuôi. Xây dựng chuồng cách chuồng từ 20-30m. Nếu là chăn nuôi trong nông hộ thì chuồng nuôi phải cách xa nơi ở ít nhất là 30m. Phải có khu vực xử lý xác gia cầm ốm, chết, tốt nhất là xây lò thiêu xác gia cầm thủ công. Khu vực này phải phun thuốc sát trùng thường xuyên.

Khu vực chăn nuôi phải tách riêng với kho thức ăn, trạm ấp trứng, kho đựng chất độn chuồng. Đặc biệt là khu vực chứa phân phải có mái che, cách xa khu chăn nuôi và phải ở cuối hướng gió. Nếu chăn nuôi với số lượng lớn thì xây hệ thống Biogas.

1.3. Các biện pháp cách ly mầm bệnh

Có hàng rào hoặc tường bao chắn xung quanh khu vực chăn nuôi cũng như có hệ thống cổng ra vào, hệ thống hố sát trùng, tắm gội thay quần áo bảo hộ trước khi vào khu vực chăn nuôi.

Nếu chăn nuôi hộ gia đình thì phải có quần áo ở khu chăn nuôi và phải có bảo hộ lao động như ủng, khẩu trang... Phun sát trùng toàn bộ phương tiện khi ra vào khu vực chăn nuôi, có thể là hệ thống phun tự

động hoặc có người trực để phun khử trùng. Hạn chế sự tham quan ra vào khu vực chăn nuôi. hạn chế các thành viên không chăn nuôi vào khu vực chăn nuôi. không nên nuôi các vật nuôi khác như chó mèo... trong khu vực chăn nuôi (nếu nuôi phải nhốt lại).

2. Chuẩn bị điều kiện nuôi

Trước khi nuôi gà phải tẩy rửa vệ sinh, phun thuốc sát trùng, có thể dùng: Biocid 0,3%, formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hoá điện hoá Anolit nguyên chất... quét vôi trắng nền chuồng, tường và hành lang chuồng nuôi, để khô và phun lại lần cuối trước khi thả gia cầm vào nuôi 1 ngày. Với chuồng trại đã chăn nuôi thì phải có thời gian để trống chuồng ít nhất là 2 tuần (sau khi đã dọn rửa phun khử trùng và quét vôi) thì mới đưa gia cầm vào nuôi. Các dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, máng uống, cốt quây gia cầm... phải được tẩy rửa, phun thuốc sát trùng và phơi nắng cho khô. Chất độn chuồng phải phơi khô phun hoặc xông bằng thuốc tím và formol. Độ dày của chất độn chuồng tùy thuộc vào loại gia cầm và mùa vụ. Các thiết bị chăn nuôi như chụp sưởi, máng ăn, máng uống phải được sắp đặt sẵn ở trong quây và phải bật chụp sưởi cho ấm trước khi thả gia cầm mới nở vào. Xung quanh chuồng phải chuẩn bị hệ thống bạt

che, các bệ này cũng phải được phun khử trùng hoặc xông formol trước khi đưa vào sử dụng. Xác định diện tích nền chuồng để quây gia cầm cho thích hợp, thường 350 đến 400 gà/quây có đường kính 3m chiều cao 40-50cm. Diện tích quây được nối rộng theo lứa tuổi của gia cầm. Lối ra vào chuồng nuôi phải có hố sát trùng hoặc phải có khay đựng thuốc sát trùng (Crezin 3%, formol 2% hoặc vôi bột) để sát trùng ủng và xe cải tiến trước khi vào chuồng nuôi.

3. Vệ sinh thú y trong quá trình chăn nuôi

3.1. Vệ sinh thức ăn, nước uống

Máng ăn, máng uống phải được rửa sạch và phun sát trùng hoặc ngâm formol 2% định kỳ 1 tháng 1 lần. Hàng ngày thay nước uống và rửa lại máng sạch sẽ.

Nước cho gia cầm uống phải là nước sạch, đạt các tiêu chuẩn về vi sinh vật và kim loại nặng... có thể bổ sung dung dịch hoá điện hoá (5 - 10%) cho gà uống từ lúc 1 ngày tuổi đến khi giết thịt để giúp phòng bệnh tiêu hoá.

Không được cho gia cầm ăn những loại thức ăn không đạt tiêu chuẩn về vi sinh vật, nấm mốc, kim loại nặng... Làm sạch máng ăn trước khi cho gia cầm ăn.

3.2. Vệ sinh chuồng trại và môi trường xung quanh

Định kỳ phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi bằng các dung dịch thuốc sát trùng như Virkon 0,25%, Biocid 0,1%, dung dịch hoạt hoá điện hoá nguyên chất... ít nhất tuần 1 lần.

Phun sát trùng các khu vực xung quanh chuồng nuôi bằng Biocid 0,3%, formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hoá điện hoá Anolit nguyên chất thay đổi nhau tuần 1 lần.

Thường xuyên quét mạng nhện, bụi bẩn bám vào chuồng nuôi

Cuốc đất, phun sát trùng, rắc vôi các khu vực xung quanh trại định kỳ 2-3 tháng 1 lần.

Thường xuyên diệt chuột và côn trùng ở khu vực chăn nuôi, làm cỏ, phát quang cây cối quanh khu vực chuồng nuôi để tránh những con vật mang mầm bệnh vào cho gia cầm.

Đảm bảo mật độ gia cầm trong chuồng nuôi và phải đảm bảo đủ máng ăn, máng uống cho gà.

Định kỳ dọn phân cho gia cầm, nếu chuồng trại ẩm ướt thì phải dọn phân ngay, đảm bảo chuồng nuôi luôn khô ráo.

3.3. Vệ sinh khu vực trạm ấp

Trước khi vào khu vực ấp phải có hồ sát trùng.

Hạn chế đến mức thấp nhất khách ra vào tham quan.

Phải có phòng tắm thay quần áo giấy dép cho người làm trực tiếp tại trạm ấp.

Tất cả các loại trứng trước khi đưa vào ấp hoặc bảo quản phải xông khử trùng bằng thuốc tím và formol (17,5g thuốc tím + 35ml formol).

Khử trùng hàng ngày khu vực ấp. Các dụng cụ ấp nở phải được thường xuyên cọ rửa và phun khử trùng trước khi đem vào sử dụng. Định kỳ vệ sinh khu vực nhà ấp và xung quanh.

Diệt chuột và các loại côn trùng khác.

Phải có khu xử lý chất thải (vỏ trứng, trứng không nở) Có thể chôn sâu và rắc vôi bột lên trên hoặc đốt các vỏ trứng.

4. Kiểm tra sức khỏe đàn gia cầm. Xử lý gia cầm ốm, chết

4.1. Kiểm tra sức khỏe đàn gia cầm

Thường kiểm tra vào đầu giờ sáng hàng ngày

Kiểm tra tình trạng thái chung như dáng đi, các biểu hiện bất thường của gia cầm như liệt chân, ủ rũ, chảy nước mắt, nước mũi, ho khó thở... Kiểm tra phân dưới nền chuồng.

Kiểm tra tình trạng ăn uống, xem đàn gia cầm có ăn uống như ngày thường hay có một số con hoặc cả đàn bỏ ăn...

Thực hiện đúng quy trình chăn nuôi, cho ăn thức ăn phù hợp với từng giống và lứa tuổi gia cầm.

Thực hiện nghiêm túc lịch phòng vaccin và thuốc định kỳ cho đàn gia cầm.

Phải có sổ ghi chép đầy đủ chính xác về các loại thuốc và vaccin sử dụng cho đàn gia cầm, thời gian ngày giờ cho uống tiêm vaccin

Nếu gặp những bệnh thông thường mà qua triệu chứng lâm sàng có thể chẩn đoán bệnh (cầu trùng, CRD) thì nên điều trị càng sớm càng tốt, trước khi giết thịt phải đảm bảo đúng thời gian ngừng sử dụng thuốc kháng sinh.

4.2. Xử lý gia cầm ốm, chết

Không được giết mổ bừa bãi. Nếu gia cầm bị ốm, chết không được bán hoặc ăn thịt. Phải có khu mổ khám và đốt hoặc chôn xác gia cầm. Khi chôn phải chôn sâu, trước khi lấp phải rắc vôi bột lên trên. Thường xuyên phun thuốc sát trùng khu vực này. Không được sử dụng lại thức ăn thừa của những đàn gia cầm bị bệnh cho đàn khác.

Trong qua trình thực hiện những công việc trên người chăn nuôi đặc biệt chú ý phải bảo vệ mình bằng cách mặc quần áo bảo hộ, đeo khẩu trang, đi ủng, đeo kính bảo hộ, đội mũ, đi găng tay, sau khi thực hiện công việc xong phải vệ sinh cá nhân cẩn thận.

II. GIAI ĐOẠN GÀ CON (0 - 6 TUẦN TUỔI)

1. Mục tiêu

Mục tiêu cần đạt được đối với gà bố mẹ là năng suất trứng, tỷ lệ phôi cao, số gà con trên mái cao. Để đạt được các mục tiêu trên cần phải làm tốt các việc sau:

2. Xây dựng chuồng trại

Nguyên vật liệu dùng trong xây dựng phải sạch và được sát trùng. Bề mặt tường và trần phải phẳng. Nền chuồng thiết kế đúng kỹ thuật, cao ráo, có độ dốc để thoát nước. Nền chuồng làm bằng xi măng, không nên dùng nền đất để dễ dọn vệ sinh sau mỗi đợt nuôi gà. Chuồng nuôi đảm bảo thoáng mát mùa hè, kín ấm vào mùa đông, tránh gió lùa. Không nên xây dựng chuồng nuôi gần trại nuôi gia cầm nào khác. Càng xa đàn khác càng tốt nhằm hạn chế tối thiểu mức rủi ro do lây nhiễm chéo.

3. Chuẩn bị điều kiện nuôi

Trước khi nuôi gà cần chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện vật chất kỹ thuật như rèm che, cút quây, chụp sưởi, máng ăn, máng uống. Tất cả phải được khử trùng trước khi sử dụng 5-7 ngày.

Chuẩn bị đầy đủ thức ăn, thuốc thú y cần thiết cho đàn giống

Chất độn chuồng: Trấu, dăm bào sạch, cỏ băm nhỏ khô. Chất độn chuồng không bị mốc có độ dày 5-10 cm được phun thuốc sát trùng (formol 2%).

4. Chọn giống gà con

Chọn những gà nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân mập. Tránh chọn nuôi những gà khô chân, vẹo mỏ, khoèo chân, hở rốn, xệ bụng, lỗ huyết bết lông.

5. Úm gà

Cần tạo điều kiện tốt cho gà con ngay từ đầu. Nếu cần phải vận chuyển xa, không nên trì hoãn ngay việc đưa gà về nơi nuôi. Chuồng nuôi gà con cần phải được chuẩn bị trước khi gà về 12-24 giờ. Chuồng phải sạch sẽ, khô ráo, ấm áp, máng ăn và máng uống phải sẵn sàng. Cung cấp đủ số lượng, đúng loại chụp úm và đảm bảo gà có đủ chỗ để đàn trải đều một cách thoải mái trong khu vực úm. Gà con cần phải phát triển đều

trong thời gian úm để đạt trọng lượng quy định, cả về mức tăng trưởng và phát triển đều tốt. Để đạt được mục tiêu trên cần phải thường xuyên quan sát, chăm sóc kỹ đàn gà trong thời gian úm gà. Sử dụng cót quây với chiều cao 50 cm, mỗi quây có đường kính 1,5-2 m nuôi úm 100-150 con. Tùy theo số lượng gà mà quây rộng hay hẹp.

6. Giữ ấm cho gà

Gà con rất cần ấm bởi vì cơ thể phát triển chưa hoàn chỉnh, không tự điều chỉnh được thân nhiệt trong 2 tuần đầu. Do vậy việc giữ ấm theo nhu cầu cơ thể gà trong các tuần đầu mới xuống chuồng rất cần thiết. Nếu không đảm bảo đủ nhiệt độ, tỷ lệ nuôi sống và khả năng sinh trưởng sẽ bị ảnh hưởng, các bệnh đường hô hấp, tiêu hoá dễ phát sinh.

Thiết bị sưởi ấm: Có thể dùng bóng điện, bóng hồng ngoại ở những nơi có điện hoặc đèn măng xông, bếp than, lò ủ trấu,... ở vùng sâu vùng xa.

Dụng cụ sưởi treo giữa quây trong ô chuồng, đặt cao hay thấp tùy theo yêu cầu nhiệt độ cụ thể.

Trong quá trình nuôi, quan sát phản ứng của đàn gà đối với nhiệt độ:

+ Nếu đàn gà tập trung gần nguồn nhiệt, chen lấn, chống đông lên nhau là chuồng nuôi không đủ nhiệt độ, gà bị lạnh.

+ Nếu đàn gà tản xa nguồn nhiệt, nháo nhác, khát nước, há mỏ để thở là bị quá nóng, cần phải điều chỉnh giảm nhiệt độ.

+ Nếu gà con tụm lại một phía là bị gió lùa, rất nguy hiểm, cần phải che kín hướng gió thổi.

+ Khi nhiệt độ trong quây thích hợp gà vận động, ăn uống bình thường, ngủ nghỉ tản đều.

Sau 28 ngày nhiệt độ tối ưu cho sự tăng trưởng và mọc lông là 21°C. Tuy nhiên khi trời lạnh không nên giảm sự thông thoáng dưới mức yêu cầu tối thiểu nhằm tăng nhiệt độ chuồng nuôi lên. Do đó cần thiết phải duy trì độ thông thoáng ở mức tối thiểu để tránh xảy ra bệnh tật.

Bảng 1: Yêu cầu nhiệt độ chuồng nuôi

Ngày tuổi	Nhiệt độ trong quây (°C)	Nhiệt độ trong chuồng (°C)	Ẩm độ tương đối (%)
1-3	31-32	28-30	60-70
4-7	30-31	27-29	
8-14	29-30	26-28	
15-21	26-28	24-26	
22-28	24-26	22-24	
> 28	23-24	20-22	

7. Nước uống, cho ăn

** Nước uống*

Là nhu cầu đầu tiên của gà khi rời khỏi thùng. Nước cung cấp cho gà uống phải sạch không mang mầm bệnh. Chất lượng nước với các chỉ tiêu phải được chấp nhận. Nên đem phân tích để đánh giá chất lượng nước. Các chỉ tiêu về chất lượng nước phân tích được nếu cao hơn giới hạn trên cho phép có thể gây ra các ảnh hưởng xấu đến đường tiêu hoá và các rối loạn khác. Nước phải luôn luôn không mang mầm bệnh.

Gà con mới xuống chuồng không nên cho uống nước lạnh, tốt nhất là hơi ấm, khoảng 18-21°C trong 2 ngày đầu. Để tăng sức đề kháng trong những ngày đầu pha vào nước 5g đường gluco + 1g vitamin C/1 lít nước. Ngày đầu mới xuống chuồng, đầu tiên cho gà uống nước trước, sau 2-3 giờ mới cho thức ăn.

Sử dụng chụp uống nước tự động bằng nhựa, chứa 3,5 lít nước cho 100 gà. Loại máng này nên kê cao hơn lớp đệm chuồng để tránh chất đệm chuồng rơi vào máng uống.

Vị trí đặt chụp nước có khoảng cách thích hợp với khay ăn để thuận tiện cho gà ăn uống. Hàng ngày thay nước từ 2-3 lần, để nước không bị ôi chua khi thức ăn lẫn vào.

Lượng nước uống vào thấp sẽ làm giảm lượng thức ăn ăn vào và giảm tăng trưởng. Do đó nước được xem như thành phần cơ bản hơn thức ăn.

Lượng nước uống vào thay đổi tùy theo lượng thức ăn ăn vào, nhiệt độ, trọng lượng và tình trạng sức khỏe.

Bảng 2: Tiêu chuẩn của nước uống

Bị nhiễm	Đơn vị tính	Có thể uống	Giới hạn trên
Nhiễm Coliform	Số V.T/100 ml	0	0
Nhiễm Streptococci	Số V.T/100 ml	0	0
Salmonella	Số V.T/100 ml	0	0
Staphylococci gây bệnh	Số V.T/100 ml	0	0
Độ cứng của nước	Độ	25	50
Chất hữu cơ	mg O ₂ /lít	2	5
Nitrate	mg/lít	25	50
Ammonia	mg/lít	0,05	0,5
Sắt	mg/lít	0,05	0,2
Mangan	mg/lít	0,02	0,05
Đồng	mg/lít	0,1	1
Calcium	mg/lít	100	200
Magnesium	mg/lít	30	50
Sulphat	mg/lít	-	250
Chloride	mg/lít	25	250
pH		7-8,5	6,5-9,0

Bảng 3: Lượng nước tiêu thụ tốt cho sức khoẻ đàn gà từ 4 tuần tuổi trở đi ở 18-21⁰C

Tuần tuổi	Mức tiêu thụ (lít/1000 con/ngày)	Tuần tuổi	Mức tiêu thụ (lít/1000 con/ngày)
1	Tự do	11	117
2	Tự do	12	124
3	45	13	129
4	55	14	134
5	64	15	139
6	72	16	145
7	82	17	148
8	90	18	164
9	90	19	177
10	107	20	205

** Cho ăn*

Đảm bảo đầy đủ máng ăn để gà không chen lấn và ăn đồng đều. Trong 2-3 tuần đầu sử dụng khay ăn bằng tôn hoặc nhựa, với kích thước 3 × 50 × 80 cm cho 100 gà con. Có thể sử dụng mẹt đan dân cho gà ăn.

Cần cho gà ăn nhiều lần trong ngày. Lượng thức ăn mỗi lần cần đổi đủ theo nhu cầu để thức ăn luôn được mới, sạch sẽ, kích thích tính thèm ăn của gà. Mỗi lần cho ăn cần loại bỏ chất độn chuồng và phân lẫn trong máng để tận dụng cám cū.

Để gà ăn ngon miệng thức ăn phải đảm bảo:

- + Thức ăn mới có mùi thơm
- + Không có nấm mốc
- + Thức ăn đa dạng
- + Thức ăn hạt ngũ cốc có số lượng bột mịn ít

Sau 3 tuần nên thay khay ăn bằng máng dài hoặc máng P50 cho hợp vệ sinh

Khi dùng máng treo cần phải thường xuyên điều chỉnh độ cao để gà được ăn một cách thoải mái và tránh thức ăn bị rơi vãi. Máng ăn cần thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

Chiều dài máng ăn bình quân/gà cần phải đảm bảo:

Tuần tuổi	Khoảng cách (cm/con)
1-2	3-4
3-5	4-5
6-8	6-7

8. Độ thông thoáng

Gà con mới xuống chuồng cần thiết phải duy trì độ thông thoáng ở mức tối thiểu. Khoảng 3 ngày sau cần phải thay đổi không khí để tránh sự ẩm thấp, ngột ngạt làm gà không phát triển mạnh. Điều kiện ngột

ngạt có thể làm cho bệnh tật phát sinh. Các bệnh ký sinh trùng như bệnh cầu trùng phát triển mạnh trong điều kiện ẩm thấp và nếu không khí không được lưu chuyển tốt dễ phát sinh các bệnh đường hô hấp.

9. Mật độ nuôi

Tuỳ thuộc vào điều kiện chuồng nuôi, mùa vụ, nhiệt độ môi trường mà quyết định mật độ nuôi sao cho thích hợp. Nếu nuôi gà mật độ quá đông đàn gà sẽ chậm lớn và bệnh tật rất dễ xảy ra.

Nuôi nền, sử dụng đệm chuồng:

1-7 tuần tuổi	15-20 con/m ²
8-20 tuần tuổi	7-10 con/m ²
> 20 tuần tuổi	4 con/m ²

Nuôi trên sàn lưới:

1-3 tuần tuổi	40-50 con/m ²
4-12 tuần tuổi	10-12 con/m ²

10. Ánh sáng

Gà con cần chiếu ánh sáng 24/24 giờ từ 1 đến 3 tuần tuổi đầu, từ 4 đến 6 tuần tuổi giảm dần còn 16 giờ; 7-18 tuần tuổi chiếu sáng 8-9 giờ/ngày. Thường chỉ cần ánh sáng tự nhiên là đủ. Ánh sáng phải phân bố đều trên diện tích chuồng nuôi.

Bảng 4: Yêu cầu ánh sáng

Tuần tuổi	Thời gian	Cường độ (W/1 m ² chuồng nuôi)
0-2	24 giờ	4
3-8	16 giờ	3
9-14	8-9 giờ (ánh sáng tự nhiên)	2
15-23	8-9 giờ (ánh sáng tự nhiên)	2,5
> 23	16 giờ	3,5

11. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con

Bảng 5: Nhu cầu dinh dưỡng

TT	Chỉ tiêu	0-3 tuần tuổi	4-6 tuần tuổi
1	Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2900	2850
2	Protein (%)	21,0	19,0
3	Canxi (%)	1,02-1,05	1,0-1,02
4	Photpho (%)	0,50-0,55	0,45-0,5
5	Lyzin (%)	1,0-1,1	0,9-1,0
6	Methionin (%)	0,4-0,45	0,35-0,4
7	Khoáng vi lượng (mg)		
8	Mn	100	80
9	Zn	80	50
10	Fe	50	30
11	Cu	5	2
12	I	1,1	1,1
13	Se	0,2	0,2
14	Co	0,2	0,2
15	vitamin bổ sung (IU)		
16	vitamin A	13.000	900
17	vitamin D3	3.000	1.600
18	vitamin E	20	12

12. Vệ sinh phòng bệnh

Phòng bệnh là chính, đảm bảo nghiêm ngặt những quy định về vệ sinh phòng bệnh. Sự dụng các quy trình phòng bệnh tùy thuộc vào tình hình dịch tễ ở mỗi địa phương. Phải quan sát theo dõi gà thường xuyên như: trạng thái ăn, nghỉ, thể trạng, âm thanh tiếng thở, chất bài tiết... để bất kỳ một dấu hiệu bất thường nào đều được xử lý kịp thời. Qua tiếng kêu cũng như cử chỉ của đàn gà cho chúng ta biết được tình trạng sức khỏe của chúng. Cần thiết phải kiểm tra đàn gà dựa trên các đặc điểm cơ bản hàng ngày như sau:

- + Lắng nghe âm thanh bất thường hoặc thiếu vắng âm thanh hàng ngày.

- + Nhìn thái độ bất thường của đàn gà (uể oải hoặc hung hăng).

- + Ngửi để nhận ra được có mùi khai hay sự kém thông thoáng.

Trong chuồng chỉ nên nuôi gà cùng lứa tuổi. Không nuôi động vật khác như: chó, mèo trong trại... định kỳ diệt các loài động vật gặm nhấm và côn trùng có hại khác.

III. GIAI ĐOẠN GÀ DÒ, HẬU BỊ (7-25 tuần tuổi)

Giai đoạn gà dò, hậu bị là khoảng thời gian tạo nền tảng cho việc đẻ trứng sau này. Sự chăm sóc thiếu

kỹ thuật trong thời kỳ quan trọng này sẽ gây tổn thất lớn trong giai đoạn sinh sản.

1. Mục tiêu

- Đạt khối lượng cơ thể theo bảng chuẩn của giống.
- Nuôi cho gà có bộ khung tốt (xương phát triển), để gà không bị béo, không tích mỡ.
- Đàn gà có độ đồng đều cao, sai biệt trong phạm vi $\pm 20\%$ khối lượng trung bình.
- Thành thực về giới tính đúng mục tiêu đặt ra.
- Có bộ lông bóng mượt.
- Tỷ lệ nuôi sống cao, khoẻ mạnh, không nhiễm ký sinh trùng.
- Có tính miễn dịch đủ bảo hộ chống lại các bệnh thường xuyên xảy ra trong suốt thời gian nuôi gà dò, hậu bị và thời kỳ sinh sản.

2. Mật độ nuôi: 5-7 con/m²

3. Ánh sáng

7-25 tuần tuổi chiếu sáng 8-9 giờ/ngày. Thường chỉ cần ánh sáng tự nhiên là đủ. Ánh sáng phải phân bố đều trên diện tích chuồng nuôi.

4. Thức ăn

Sau 42 ngày tuổi, kết thúc giai đoạn gà con, phải chuyển chế độ nuôi ăn hạn chế để gà không bị béo, sinh trưởng tuân theo quy trình chuẩn của giống.

Khi thay khẩu phần thức ăn gà con sang thức ăn gà dò nên tiến hành từ từ:

2 ngày đầu 75% thức ăn gà con + 25% thức ăn gà dò

2 ngày tiếp 50% thức ăn gà con + 50% thức ăn gà dò

2 ngày tiếp 25% thức ăn gà con + 75% thức ăn gà dò

Từ ngày thứ 7 cho ăn 100% thức ăn gà dò

Bảng 6: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, hậu bị

Chỉ tiêu	7-13 tuần tuổi	14-21 tuần tuổi	22-25 tuần tuổi
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2750	2750	2750
Protein (%)	16,0	14,5	16,5
Canxi (%)	0,95-0,97	0,96-1,0	2,7-2,75
Photpho (%)	0,4-0,5	0,41-0,5	0,45-0,48
Lyzin (%)	0,8-0,85	0,7-0,75	0,75-0,8
Methionin (%)	0,3-0,35	0,3-0,33	0,35-0,38
Khoảng vi lượng (mg)			
Mn	80	80	80
Zn	50	50	50
Fe	30	30	30
Cu	2	2	2

Chỉ tiêu	7-13 tuần tuổi	14-21 tuần tuổi	22-25 tuần tuổi
I	1,1	1,1	1,1
Se	0,2	0,2	0,2
Co	0,2	0,2	0,2
vitamin bổ sung (IU)			
vitamin A	5.000	5.000	9.000
vitamin D3	900	900	1.800
vitamin E	6	6	12

** Mức năng lượng*

Mức năng lượng trong giai đoạn nuôi hậu bị quá thấp thì gà sẽ ăn nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu về năng lượng. Do đó tính ngon miệng của gà rất cao, ngược lại mức năng lượng được cung cấp quá nhiều trong giai đoạn hậu bị, tính ngon miệng sẽ giảm, gà có thể ăn quá ít trong giai đoạn sinh sản, không đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng gà sẽ cho năng suất thấp. Mức năng lượng trong khẩu phần ở giai đoạn nuôi gà dò, hậu bị phải thấp hơn giai đoạn sinh sản.

** Mức protein*

Protein cần thiết cho tăng trưởng và trong giới hạn nào đó mức protein cao trong khẩu phần sẽ làm cho gà tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên điều quan trọng là cần phải duy trì sự cân bằng giữa protein và năng lượng nếu không sự tăng trưởng sẽ gặp trở ngại.

** Nuôi hạn chế cân đáp ứng một số yêu cầu*

Việc hạn chế thức ăn hay cho gà ăn theo khẩu phần được khuyến cáo trong giai đoạn hậu bị sẽ giúp cho gà giống có thể đạt đúng trọng lượng và cấu trúc cơ thể vào thời điểm đẻ trứng. Khi hạn chế thức ăn giữa chúng sẽ có sự tranh giành thức ăn do đó cần cung cấp đủ máng ăn để mọi con đều có thể ăn đủ lượng thức ăn cần thiết (12-15 cm chiều dài máng cho 1 gà). Nếu không đủ máng ăn gà phát triển không đồng đều. Những con nhẹ cân hoặc nặng cân hơn tiêu chuẩn sẽ cho năng suất đẻ trứng kém.

Nếu có đủ máng ăn nên cho ăn hàng ngày và hiệu quả thức ăn tốt hơn từ 8-10% so với 2 ngày ăn 1 ngày nghỉ, 3 ngày ăn 1 ngày nghỉ.

Nếu không đủ máng ăn nên sử dụng cho gà ăn gián đoạn (2 ngày ăn 1 ngày nghỉ). Gà sẽ tiêu thụ số lượng thức ăn lớn hơn trong khoảng thời gian lâu hơn. Cách này cho phép tất cả gà tiêu thụ lượng thức ăn theo nhu cầu. Vì vậy, hàng tuần nên cân gà theo ngày giờ cố định. Cân trước khi cho ăn, số lượng cân mẫu 10-15% trên đàn, hoặc tối thiểu 30 con đối với đàn có số lượng ít để kiểm soát số lượng, đánh giá mức đồng đều và kết quả chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu đàn gà có sự đồng đều kém nên tách gà to và gà nhỏ hơn ra các chuồng riêng để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

Bảng 7: Khối lượng cơ thể cân đạt và định lượng thức ăn nuôi gà dò, hậu bị

Tuần tuổi	Thức ăn/con /ngày (g)		Khối lượng cơ thể (g)	
	Gà trống	Gà mái	Gà trống	Gà mái
7	63	53	1131	931
8	68	53	1254	1026
9	68	58	1387	1102
10	74	58	1473	1178
11	74	58	1568	1254
12	79	63	1634	1311
13	79	63	1720	1368
14	84	63	1805	1425
15	84	68	1891	1482
16	89	68	1967	1530
17	89	68	2043	1577
18	95	74	2128	1625
19	95	74	2214	1672
20	100	79	2309	1739
21	105	84	2404	1805
22	110	89	2523	1900
23	120	95	2628	2005
24	130	100	2751	2109
25	140	120	2837	2223

** Ảnh hưởng của nhiệt độ đến nhu cầu thức ăn*

Đàn gà được nuôi trong điều kiện nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 21°C thì cơ thể cần nhiều năng lượng duy trì hơn. Nếu cung cấp không đủ năng lượng, mức tăng trưởng sẽ giảm. Khi nhiệt độ môi trường trên 21°C thì nhu cầu năng lượng duy trì sẽ giảm xuống. Đàn gà nuôi trong điều kiện nhiệt độ không phải là 21°C thì có thể điều chỉnh lượng thức ăn theo bảng sau:

Tuần tuổi	Tăng hoặc giảm lượng thức ăn ăn vào mỗi ngày (g)				
	14°C	16°C	18°C	22°C	24°C
8	+ 2,5	+ 1,6	+ 0,8	- 0,8	- 1,6
10	+ 3,2	+ 2,1	+ 1,1	- 1,1	- 2,1
12	+ 3,9	+ 2,6	+ 1,3	- 1,3	- 2,6
14	+ 1,8	+ 3,2	+ 1,6	- 1,6	- 3,2
16	+ 5,4	+ 3,6	+ 1,8	- 1,8	- 3,6
18	+ 6,0	+ 4,0	+ 2,0	- 2,0	- 4,0
20	+ 7,2	+ 4,8	+ 2,4	- 2,4	- 4,8
Khi gà ăn tự do cứ tăng hoặc giảm 1°C , lượng thức ăn tiêu thụ sẽ thay đổi khoảng 1% theo tỷ lệ nghịch.					

IV. GIAI ĐOẠN GÀ ĐẺ

Đây là giai đoạn quyết định hiệu quả chăn nuôi gà sinh sản.

1. Chọn lọc gà giống sinh sản và mật độ nuôi

Chọn những gà mái lên đẻ có ngoại hình phát dục biểu hiện bằng độ bóng của lông, mào tích đã đỏ, bụng mềm, xương chậu rộng.

Đối với gà trống chọn những con có mào thẳng đứng, to, chân cao, hai cánh vững chắc, úp gọn trên lưng, dáng hùng dũng.

Tỷ lệ ghép trống trên mái: 1/8 - 1/10.

Thời điểm ghép lúc 25-26 tuần tuổi.

Mật độ nuôi: 3-4 con/m².

2. Thức ăn, nước uống

Thức ăn phải đảm bảo chất lượng tốt, cân đối đủ mức protein, năng lượng và cân bổ sung bột đá, bột vỏ sò, nhiều gấp 3-3,5 lần so với các giai đoạn trước để gà tạo vỏ trứng. Mọi tác nhân gây hại phải hạn chế tối đa để tránh gây stress.

Năng lượng:

Nhu cầu năng lượng của gà thay đổi theo nhiệt độ chuồng nuôi. Nhiệt độ càng cao nhu cầu năng lượng càng giảm.

Protein và axit amin:

Nhu cầu protein thời kỳ đầu đẻ trứng cao hơn thời kỳ đẻ trứng về sau. Mức protein và axit amin cao thì

kích cỡ trứng sẽ cao cho tới khi gà được 45 tuần tuổi. Sau khoảng thời gian này để có được hiệu quả kinh tế thì giới hạn kích cỡ trứng bằng cách cho ăn giảm protein và axit amin.

Canxi, photpho:

Nhu cầu Ca tăng lên khi gà bắt đầu già, nhưng không đúng với photpho. Mức photpho sẽ giảm trong suốt thời gian đẻ về sau.

Nhu cầu dinh dưỡng:

Khẩu phần thức ăn của gà mái trong giai đoạn này cần đạt 17% protein và 2750 Kcal/kg thức ăn. Thường xuyên bổ sung định kỳ các loại vitamin có tác dụng kích thích và duy trì sinh sản như vitamin A, D, E.... Khi thời tiết nắng nóng bổ sung thêm các chất điện giải, đường gluco và vitamin C.

Định lượng ăn cho gà trong giai đoạn này điều chỉnh căn cứ vào tỷ lệ đẻ, tháng tuổi của đàn gà. Mức ăn 125 đến 155g/con/ngày. Khi gà đẻ đạt tỷ lệ đẻ 60-70% cho ăn tăng 155 g/con/ngày. Nếu có điều kiện có thể sử dụng máng ăn riêng cho gà trống và gà mái để đạt chất lượng trứng ấp tốt.

Nước uống:

Nước uống phải đảm bảo sạch, mát. Thay nước 2-3 lần/ngày.

Bảng 8: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn đẻ trứng

Chỉ tiêu	> 25 tuần tuổi
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2750
Protein (%)	17,0 - 17,5
Canxi (%)	3,2 - 3,5
Photpho (%)	0,6 - 0,65
Lyzin (%)	0,84 - 0,95
Methionin (%)	0,35 - 0,38
Khoáng vi lượng (mg)	
Mn	80
Zn	50
Fe	30
Cu	2
I	1,1
Se	0,2
Co	0,2
vitamin bổ sung (IU)	
vitamin A	9.000
vitamin D3	1.800
vitamin E	12

3. Chuồng nuôi, chế độ chiếu sáng

Đảm bảo thoáng mát về mùa hè. Tránh gió lùa và đủ ấm về mùa đông.

Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ chuồng nuôi và khu xung quanh chuồng nuôi. Chất độn chuồng phải đảm bảo không bị ẩm ướt, bụi và mốc.

Duy trì độ dài chiếu sáng lên 16 giờ/ngày bằng cách sử dụng ánh sáng nhân tạo (buổi tối thấp bóng điện sáng đến 21-22 giờ, 3-3,5W/m²).

4. Ổ đẻ

Ổ đẻ phải được phân bố đều trong chuồng nuôi. Số lượng phải đủ, tốt nhất là 1 ổ/5 con, ổ đẻ không nên để ánh sáng chiếu trực tiếp vào. Ổ đẻ phải có lớp lót dày và sạch tránh làm dập và bẩn trứng.

5. Thu trứng và bảo quản trứng giống

Lấy trứng ấp ngay sau khi gà đẻ được 4 tuần

Trứng được thu từ 3-4 lần trong ngày, để tránh bị dập vỡ và bẩn.

Bảo quản trứng ở nơi thoáng mát, sạch sẽ. Điều kiện bảo quản tốt nhất 15-17⁰C, ẩm độ 72-75%. Mùa đông bảo quản trứng 7 ngày, mùa hè để trứng 3-5 ngày ấp 1 lần.

Chú ý: Đối với trứng giống không rửa, nếu dính bụi cát hoặc chất độn chỉ nên vệ sinh khô. Hết trật đẻ một số gà đòi ấp cần tách nuôi riêng những cá thể ấp, bổ sung thêm vitamin để gà nhanh chóng đẻ trở lại nhằm nâng cao năng suất trứng.

6. Lịch phòng bệnh cho gà sinh sản

Bảng 9: Lịch phòng vaccin và thuốc cho gà sinh sản

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
1	Tiêm phòng vaccin Marek.
1- 4	Phòng bệnh đường ruột bằng một trong các kháng sinh sau. Octamix 1g/4- 6 lít nước. Flocidin (5%) 50mg/10 kgP. Genta- Costrim 50 mg/1kg P. Kết hợp cho uống các loại vitamin tổng hợp.
5	Nhỏ Vaccin IB + ND Ma5 Clon30, hoặc Vaccin Lasota, lần 1, nhỏ mắt, mũi (phòng bệnh Newcastle và Viêm phế quản truyền nhiễm).
7	Chủng đậu lần 1. Vaccin Gumboro lần I, nhỏ mắt, mũi.
8 - 12	Phòng bệnh đường hô hấp bằng: Tylosin 1g/1lít nước hoặc Tiamulin 100mg/1lít nước.
15	Tiêm vaccin cúm gia cầm lần 1- Tiêm dưới da cổ Bổ sung điện giải hoặc vitamin tổng hợp
14 - 16	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong các loại thuốc sau: Rigerococcin 1g/4- 6 lít nước. Vetpro 1g/1lít nước. Pharticoc- Plus 1g/1lít nước hoặc 5g/3kg cám. Baycox 1g/1lít nước.Cho uống 2 ngày liên tục.
17	Vaccin Gumboro lần 2, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
18	Vaccin IB + ND Ma5 Clon 30 hoặc Lasota, lần 2 nhỏ mắt mũi, cho uống các loại vitamin tổng hợp.
24	Vaccin Gumboro lần 3, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
26- 28	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong các loại thuốc đã nêu ở trên.

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
38 - 40	vacxin Newcastle hệ I, tiêm dưới da cổ. Cho uống các loại vitamin tổng hợp.
45	Tiêm vacxin cúm lần 2 - Tiêm dưới da cổ Bổ sung điện giải hoặc vitamin tổng hợp
50 - 70	Phòng cầu trùng ruột non + E.coli bằng một trong các loại thuốc đã nêu ở trên kết hợp với Genta- Costrim.
80 - 112	Phòng bệnh đường hô hấp và đường ruột bằng. Tylosin 40- 60 mg/1kgP kết hợp với Genta- Costrim 80-100 mg/1kg P. Liều trình 3- 5 ngày.
120 - 130	Tiêm Vaccin nhũ dầu 3 bệnh: Newcastle, Viêm phế quản truyền nhiễm và Gumboro. Bổ sung ADE. Sau hai tháng phòng kháng sinh cho gà đẻ một lần.

C. KỸ THUẬT NUÔI GÀ KABIR VÀ GÀ LAI LẤY THỊT

Trong chăn nuôi gia cầm chăn thả lấy thịt việc chăm sóc, nuôi dưỡng thỏa mãn đầy đủ các nhu cầu sinh lý đòi hỏi phát triển cơ thể ở mỗi giai đoạn sẽ khai thác tối đa tiềm năng di truyền của giống, đạt khối lượng giết thịt càng sớm càng tốt.

I. GIAI ĐOẠN KHỞI ĐỘNG 0-3 TUẦN TUỔI

1. Chuẩn bị

Chuẩn bị điều kiện nuôi, chọn giống gà con, giữ ấm cho gà, máng uống, máng ăn, độ thông thoáng, mật độ nuôi, vệ sinh phòng bệnh.

Tương tự như nuôi gà Kabir bố mẹ (giai đoạn gà con).

2. Ánh sáng

Thời gian chiếu sáng 24/24 giờ (tính cả ánh sáng tự nhiên)

3. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con (0-3 tuần tuổi)

Khẩu phần được cân đối đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn nuôi. Thức ăn phối chế đa nguyên liệu, sử dụng đa nguồn gốc từ động vật, thực vật, premix vitamin, khoáng vi lượng... Không dùng nguyên liệu bị nấm mốc, nhiễm độc tố aflatoxin, hoặc bột cá có hàm lượng muối cao. Dùng đồ tương phải được rang chín. Gà cho ăn tự do suốt ngày đêm (ăn càng nhiều càng tốt).

Bảng 10: Chế độ dinh dưỡng nuôi thịt 0-3 tuần tuổi

Chỉ tiêu	0-3 tuần tuổi
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2950
Protein (%)	21-22
Canxi (%)	1,00-1,05
Photpho (%)	0,65-0,75
Lyzin (%)	1,20-1,25
Methionin (%)	0,42-0,48

II. GIAI ĐOẠN VỠ BÉO (4 tuần tuổi đến giết thịt)

Giai đoạn 4 tuần tuổi đến giết thịt cần duy trì sức khoẻ tốt, mức độ đồng đều cao. Gà được ăn tự do cả ngày đêm, để có tăng trọng nhanh, rút ngắn thời gian nuôi. Trong điều kiện thời tiết và nhiệt độ của môi trường thuận lợi (ấm áp, khô ráo) sau 3-4 tuần tuổi, nếu thời tiết lạnh dưới 20°C sau 5-6 tuần, có thể thả cho gà vận động, cơ săn chắc, khi giết mổ không bị nhão.

1. Ánh sáng

24/24 giờ (ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên, đêm thấp sáng bằng bóng điện).

2. Mật độ: 5-7 con/m² nền chuồng

3. Nước uống

Dùng nước sạch, tuyệt đối không để gà thiếu nước uống. Nếu thiếu nước gà sẽ ăn ít và ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, đặt máng uống ở vị trí thích hợp.

4. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, vỗ béo (4 tuần tuổi đến giết thịt)

Bảng 10: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, vỗ béo (4 tuần tuổi)

Giai đoạn Chỉ tiêu	4-7 tuần tuổi	8 tuần tuổi đến giết thịt
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	3050	3100
Protein (%)	19,0	17,0
Canxi (%)	1,00-1,10	1,10-1,20
Photpho (%)	0,70-0,72	0,72-0,75
Lyzin (%)	1,10-1,15	1,05-1,10
Methionin (%)	0,40-0,45	0,35-0,40

III. LỊCH PHÒNG BỆNH CHO GÀ THỊT THƯƠNG PHẨM

Bảng 11: Lịch phòng vaccin và thuốc cho gà thịt thương phẩm

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
1- 4	Phòng bệnh đường ruột bằng một trong các kháng sinh sau. Octamix 1g/4- 6 lít nước. Flocidin (5%) 50mg/10 kgP. Genta- Costrim 50 mg/1kg P. Kết hợp cho uống các loại vitamin tổng hợp.

Ngày tuổi	Vaccin và thuốc dùng
5	Nhỏ vaccin IB + ND Ma5 Clon30, hoặc Vaccin Lasota, lần 1, nhỏ mắt, mũi (phòng bệnh Newcastle và Viêm phế quản truyền nhiễm).
7	Chủng đậu lần một. Vaccin Gumboro lần 1, nhỏ mắt, mũi.
8- 12	Phòng bệnh đường hô hấp bằng: Tylosin 1g/1lít nước hoặc Tiamulin 100mg/1lít nước.
15	Tiêm vaccin cúm gia cầm lần 1- Tiêm dưới da cổ Cho uống điện giải hoặc vitamin tổng hợp Trộn Orgacid hoặc bổ sung Allzym cho đến lúc giết thịt
14- 16	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong các loại thuốc sau: Rigerococin 1g/4- 6 lít nước. Vetpro 1g/1lít nước. Pharticoc- Plus 1g/1lít nước hoặc 5g/3kg cám. Baycox 1g/1lít nước.Cho uống 2 ngày liên tục.
17	Vaccin Gumboro lần 2, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
18	Vaccin IB + ND Ma5 Clon 30 hoặc Lasota, lần 2 nhỏ mắt mũi, cho uống các loại vitamin tổng hợp.
24	Vaccin Gumboro lần 3, nhỏ mắt mũi hoặc cho uống.
38 - 40	vaccin Newcastle hệ I, tiêm dưới da cổ. Cho uống các loại vitamin tổng hợp.
45	Tiêm vaccin cúm lần 2 - Tiêm dưới da cổ Cho uống điện giải hoặc vitamin tổng hợp

PHỤ LỤC

1. Khẩu phần thức ăn tham khảo nuôi gà Kabir bố mẹ

1.1. Giai đoạn gà con (0-6 tuần tuổi)

Nguyên liệu	0-3 tuần tuổi	4-6 tuần tuổi
Ngô	57,4	57,75
Cám	3,25	9,0
Proconco C25	30,0	25,7
Khô đỗ	9,1	7,0
Khoáng	-	0,3
vitamin	0,25	0,25
Tổng (%)	100,0	100,0
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2902,4	2850,2
Protein (%)	21,0	19,0
Canxi (%)	1,07	1,0
Photpho (%)	0,55	0,51
Lyzin (%)	1,1	0,98
Methionin (%)	0,44	0,41

1.2. Giai đoạn gà dò, hậu bị (7-25 tuần tuổi)

Nguyên liệu	7-13 tuần tuổi	14-21 tuần tuổi	22-25 tuần tuổi
Ngô	49,5	50,4	54,5
Cám	13,7	15,0	7,7
Thóc	12,0	14,1	7,0
Proconco C25	22,0	17,2	-
Proconco C21	-	-	25,0
Khô đỗ	2,0	2,0	5,0
Bột xương	0,3	0,5	0,3
Bột đá	-	0,6	0,25
Khoáng	0,3	-	-
vitamin	0,2	0,2	0,25
Tổng (%)	100,0	100,0	100,0
Năng lượng (Kcal/kg TĂ)	2750,98	2750,33	2750,28
Protein (%)	16,05	14,52	16,52
Canxi (%)	0,96	0,97	2,73
Photpho (%)	0,51	0,48	0,45
Lyzin (%)	0,83	0,72	0,8
Methionin (%)	0,36	0,32	0,36

1.3. Giai đoạn gà đẻ (>25 tuần tuổi)

Nguyên liệu	> 25 Tuần tuổi
Ngô	57,0
Cám	4,5
Thóc	4,0
Proconco C21	26,0
Khô đỗ	5,5
Bột xương	2,0
Bột đá	0,4
Khoáng	0,3
vitamin	0,3
Tổng (%)	100,0
Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)	2750,45
Protein (%)	17,1
Canxi (%)	3,28
Photpho (%)	0,61
Lyzin (%)	0,84
Methionin (%)	0,37

2. Khẩu phần tham khảo nuôi gà Kabir thương phẩm và gà lai lấy thịt

Nguyên liệu	0-3 tuần tuổi	4-7 tuần tuổi	8 tuần tuổi đến giết thịt
Ngô	-	8,8	21,8
Cám	3,74	6,5	5,9
Proconco C28B	8,76	80,0	66,0
Khô dầu vùng	6,5	1,8	1,0
Dầu lạc	1,78	1,5	2,7
Bột xương	-	1,0	2,1
Khoáng	0,20	0,15	0,25
vitamin	0,15	0,2	0,12
Lyzin	0,02	0,03	0,09
Methionin	0,01	0,02	0,04
Tổng (%)	100,0	100,0	100,0
Năng lượng (Kcal/kg TẤ)	2590,68	3000,42	3107,52
Protein (%)	22,10	19,03	17,0
Canxi (%)	1,03	1,1	1,03
Photpho (%)	0,71	0,72	0,49
Lyzin (%)	1,25	1,15	0,82
Methionin (%)	0,46	0,43	0,28

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
A. Đặc điểm, tính năng sản xuất của gà Kabir	5
B. Kỹ thuật nuôi gà Kabir bố mẹ	7
I. Thực hiện biện pháp an toàn sinh học	7
1. Điều kiện chung	7
2. Chuẩn bị điều kiện nuôi	9
3. Vệ sinh thú y trong quá trình chăn nuôi	10
4. Kiểm tra sức khỏe đàn gia cầm. Xử lý gia cầm ốm, chết	12
II. Giai đoạn gà con (0 - 6 tuần tuổi)	14
1. Mục tiêu	14
2. Xây dựng chuồng trại	14
3. Chuẩn bị điều kiện nuôi	15
4. Chọn giống gà con	15
5. Úm gà	15
6. Giữ ấm cho gà	16
7. Nước uống, cho ăn	18
8. Độ thông thoáng	21
9. Mật độ nuôi	22
10. Ánh sáng	22
11. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con	23
12. Vệ sinh phòng bệnh	24

III. Giai đoạn gà dò, hậu bị (7-25 tuần tuổi)	24
1. Mục tiêu	25
2. Mật độ nuôi	25
3. Ánh sáng	25
4. Thức ăn	26
IV. Giai đoạn gà đẻ	30
1. Chọn lọc gà giống sinh sản và mật độ nuôi	31
2. Thức ăn, nước uống	31
3. Chuồng nuôi, chế độ chiếu sáng	33
4. Ổ đẻ	34
5. Thu trứng và bảo quản trứng giống	34
6. Lịch phòng bệnh cho gà sinh sản	35
C. Kỹ thuật nuôi gà Kabir và gà lai lấy thịt	36
I. Giai đoạn khởi động 0-3 tuần tuổi	36
1. Chuẩn bị	36
2. Ánh sáng	37
3. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con	37
II. Giai đoạn vỗ béo (4 tuần tuổi đến giết thịt)	38
1. Ánh sáng	38
2. Mật độ: 5-7 con/m ² nền chuồng	38
3. Nước uống	38

4. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, vỗ béo (4 tuần tuổi đến giết thịt)	39
III. Lịch phòng bệnh cho gà thịt thương phẩm	39
Phụ lục	41
1. Khẩu phần thức ăn tham khảo nuôi gà Kabir bố mẹ	41
2. Khẩu phần tham khảo nuôi gà Kabir thương phẩm và gà lai lấy thịt	44

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO DOANH

Phụ trách bản thảo
BÍCH HOA - HOÀI ANH

Trình bày bìa

ĐỖ THỊNH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: (04) 5761075 - 8521940 Fax: 04.5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q1 - Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8.299521 - 8.297157 Fax: 08.9101036

In 1.030 bản, khổ 13 x 19cm, tại Xưởng in NXB Nông nghiệp.
Quyết định in số 08-2006/CXB/208-223/NN do Cục Xuất bản
cấp ngày 15/12/ 2005. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2006.

63 - 630

- 208/ 223 - 06

NN - 2006

HƯỚNG DẪN NÚT CÁ KABIR

AXABIR

FANASA
VIỆT NAM

1 113030 005844

8,500 VND

8 936032 942440

Giá: 8.500 đ